

Trần 5303

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG QUẢN TRỊ - DỊCH VỤ**

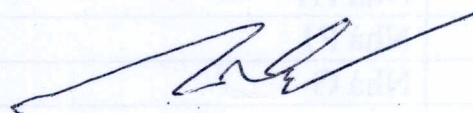
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH PHÒNG LÀM VIỆC, PHÒNG LÝ  
THUYẾT, XƯỞNG THỰC TẬP TRONG TOÀN TRƯỜNG**

| STT        | Danh mục công trình      | Cấp công trình | Số phòng   | Diện tích sử dụng | Diện tích chiếm đất |
|------------|--------------------------|----------------|------------|-------------------|---------------------|
| <b>I</b>   | <b>Nhà làm việc</b>      |                | <b>45</b>  | <b>2.772</b>      |                     |
| 1          | Nhà A1                   | 4              | 12         | 590               | 333                 |
| 2          | Nhà A2                   | 4              | 2          | 316               | 358                 |
| 3          | Nhà A3                   | 4              | 1          | 144               | 144                 |
| 4          | Nhà B1                   | 4              | 3          | 81                | 81                  |
| 5          | Nhà C1                   | 3              | 15         | 798               | 547                 |
| 6          | Nhà D1                   | 4              | 2          | 168               | 168                 |
| 7          | Nhà K1                   | 4              | 1          | 38                | 38                  |
| 8          | Nhà H1                   | 3              | 2          | 95,5              | 2470                |
| 9          | Nhà F1                   | 4              | 1          | 120               | 1364                |
| 10         | Nhà G                    | 3              | 5          | 426               | 2015                |
| <b>II</b>  | <b>Giảng đường</b>       |                | <b>73</b>  | <b>6.266</b>      |                     |
| 1          | Khu lý thuyết (nhà C1)   | 3              | 2          | 112               |                     |
| 2          | Khu lý thuyết (nhà C2)   | 3              | 13         | 1170              | 825                 |
| 3          | Khu lý thuyết (nhà C3)   | 3              | 15         | 1350              | 825                 |
| 4          | Khu lý thuyết (Nhà F2)   | 4              | 6          | 600               | 454                 |
| 5          | Khu Lý thuyết (nhà H1)   | 3              | 24         | 1979              |                     |
| 6          | Khu lý thuyết (nhà H3)   | 4              | 4          | 236               | 335                 |
| 7          | Khu lý thuyết (nhà H2)   | 4              | 1          | 73                | 156                 |
| 8          | Khu lý thuyết (nhà I1)   | 4              | 2          | 196               | 196                 |
| 9          | Khu lý thuyết (nhà I2)   | 4              | 2          | 196               | 196                 |
| 10         | Khu lý thuyết (nhà E2)   | 4              | 4          | 354               | 445                 |
| <b>III</b> | <b>Xưởng thực hành</b>   |                | <b>117</b> | <b>12.057</b>     |                     |
| 1          | Xưởng thực tập(Nhà D2)   | 4              | 1          | 80                | 80                  |
| 2          | Xưởng thực tập(nhà D3)   | 4              | 10         | 2160              | 2160                |
| 3          | Xưởng thực hành nha D1   | 3              | 2          | 168               |                     |
| 4          | Xưởng thực hành (nhà H1) | 3              | 28         | 2495              |                     |
| 5          | Xưởng thực hành (nhà G)  | 3              | 54         | 5052              |                     |
| 6          | Nhà T                    | 3              | 10         | 900               | 225                 |
| 7          | Phòng thực hành nhà F1   | 4              | 6          | 590               |                     |
| 8          | Nhà C2                   | 3              | 2          | 180               |                     |
| 9          | Nhà D4                   | 4              | 4          | 432               | 432                 |
| <b>IV</b>  | <b>Nhà KTX</b>           |                |            |                   |                     |

|                  |                          |   |    |               |               |
|------------------|--------------------------|---|----|---------------|---------------|
| 1                | Ký túc xá 3 tầng E1      | 3 | 12 | 1500          | 500           |
| 2                | Ký túc xá 2 tầng E2      | 4 | 2  | 288           |               |
| 3                | Ký túc xá 1 tầng E3      | 4 | 2  | 72            | 120           |
| 4                | Tòa nhà Ký Túc Xá 7 Tầng | 2 |    | 7.105         | 1015          |
| <b>V</b>         | <b>Tài sản khác</b>      |   |    | <b>15.354</b> |               |
| 1                | Hội trường nhà F1        | 4 | 1  | 720           |               |
| 2                | Thư viện                 | 4 | 1  | 1066          |               |
| 3                | Căn tin trường           | 4 | 1  | 675           | 675           |
| 4                | Sân bóng                 |   | 1  | 8700          | 8700          |
| 5                | Trung tâm Y tế           | 4 | 1  | 45            |               |
| 6                | Nhà xe HSSV              | 4 | 2  | 1124          | 562           |
| 7                | Nhà xe CB-GV-CNV khu A   | 4 | 1  | 44            | 44            |
| 8                | Nhà xe (nhà B2)          | 4 | 1  | 2936          | 2936          |
| 9                | Trạm biến áp 400KVA      | 4 | 1  | 44            | 44            |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                          |   |    | <b>36.449</b> | <b>28.487</b> |

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Lê Quang Liêm**

132 MC 5.2 01

**Bảng thống kê các hạng mục công trình , diện tích cây xanh**

| Số TT |    | Danh mục  | TÊN CÁC KHỐI NHÀ                                                 | Diện tích     |
|-------|----|-----------|------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1     | 1  | Nhà cấp 4 | Nhà bảo vệ ghi danh (nhà B1)                                     | 81            |
| 2     | 2  | Nhà cấp 4 | Xưởng thực tập NH (nhà xe CBGVCM)                                | 116           |
| 3     | 3  | Nhà cấp 4 | Căn tin công chính (nhà B2)                                      | 107           |
| 4     | 4  | Nhà cấp 4 | Nhà xe CB-GV-CNV khu A (nhà A1)                                  | 300           |
| 5     | 5  | Nhà cấp 4 | Khu quán sinh (nhà C1)                                           | 547           |
| 6     | 6  | Nhà cấp 3 | Khu lý thuyết (nhà C2)                                           | 1.650         |
| 7     | 7  | Nhà cấp 3 | Khu lý thuyết (nhà C3)                                           | 1.650         |
| 8     | 8  | Nhà cấp 4 | Khu hành chính (nhà A1)                                          | 666           |
| 9     | 9  | Nhà cấp 4 | Khu hành chính (nhà Đ1)                                          | 336           |
| 10    | 10 | Nhà cấp 4 | Khu hành chính (Nhà Đ2)                                          | 80            |
| 11    | 11 | Nhà cấp 4 | Khu hành chính + Hội trường B (nhà A)                            | 358           |
| 12    | 12 | Nhà cấp 4 | Nhà truyền thông (nhà A3)                                        | 80            |
| 13    | 13 | Nhà cấp 3 | Khu xưởng thực tập Cơ Khí (nhà Đ1)                               | 2.160         |
| 14    | 14 | Nhà cấp 3 | Khu xưởng thực tập K.Động Lực (nhà)                              | 1.500         |
| 15    | 15 | Nhà cấp 4 | Khu xưởng thực tập K.Động Lực (nhà)                              | 890           |
| 16    | 16 | Nhà cấp 3 | Hội trường - thư viện                                            | 2.728         |
| 17    | 17 | Nhà cấp 3 | Khu xưởng Điện Lạnh + CNTT + THPT (khu nhà H)                    | 4.941         |
| 18    | 18 | Nhà cấp 3 | Khu xưởng điện - điện tử (khu nhà G)                             | 4.008         |
| 19    | 19 | Nhà cấp 4 | Nhà Y tế + TN Hóa Lý THPT (nhà H3)                               | 335           |
| 20    | 20 | Nhà cấp 4 | VP THPT (nhà H2)                                                 | 156           |
| 21    | 21 | Nhà cấp 4 | Xưởng thực tập NH TT Dạy Nghề (nhà)                              | 196           |
| 22    | 22 | Nhà cấp 4 | VP THPT + TT DN (nhà I2)                                         | 196           |
| 23    | 23 | Nhà cấp 4 | Phòng học lý thuyết THPT (nhà I3)                                | 312           |
| 24    | 24 | Nhà cấp 4 | Nhà bảo vệ cổng B (Nhà I3)                                       | 31            |
| 25    | 25 | Nhà cấp 4 | Gara ô tô Động Lực (Nhà E3)                                      | 120           |
| 26    | 26 | Nhà cấp 4 | Khu TT Bảo Trì + Xưởng Điện Lạnh + CNTT + Cơ Khí (nhà F2) - Tầng | 907           |
| 27    | 27 | Nhà cấp 4 | Nhà K1 (tổ thể dục)                                              | 38            |
| 28    | 28 | Nhà cấp 3 | Nâng tầng khu thực hành Điện - ĐT                                | 2.036,37      |
| 29    | 29 | Nhà cấp 3 | Nâng tầng cải tạo khối nhà C1                                    | 600           |
|       |    |           | Cây xanh                                                         | 9.615         |
|       |    |           | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                 | <b>36.740</b> |

TRƯỞNG PHÒNG QT-DV

